

Bản án số: **83/2025/HS-PT**

Ngày 17 tháng 02 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Huy

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Nhật Tân

Ông Phạm Năng Thành

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Khoa - *Thư ký Toà án;*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Lý Thị Mai Phương - *Kiểm sát viên.*

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 952/TLPT-HS ngày 24/10/2024 đối với bị cáo Tụ Trường G do có kháng cáo của bị cáo và bị hại trong vụ án trên đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 205/2024/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:** Tụ Trường G; sinh năm 1981 tại Hà Nội; Giới tính: Nam; Nơi thường trú và cư trú: Số A T, tổ dân phố T, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên bố: Nguyễn Tụ B, sinh năm 1940; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1946; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; Có 02 con (*sinh các năm 2008, 2011*); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2004, bị áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc cai nghiện ma túy tại Trung tâm G1, thành phố Hà Nội; Tại Bản án số 74/2014/HSST ngày 22/8/2014, Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xử phạt 39 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Chống người thi hành công vụ” - chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/9/2016 và các quyết định khác của bản án; Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên toà.

*** Bị hại có kháng cáo:** Anh Nguyễn Viết T, sinh năm: 1980; Trú tại: Số nhà B, ngõ I H, tổ dân phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội; Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:** Chị Chu Thị T1, sinh năm 1982; Trú tại: Số nhà B, ngõ I H, tổ dân phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội; Có mặt.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Luật sư Nguyễn Văn T2, Công ty L; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 41 phút ngày 29/3/2024, anh Nguyễn Viết T điều khiển xe máy đi đến trước ngõ A phố T và đối diện nhà 130 T, thuộc phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Do tắc đường nên anh T dừng xe lại cách chỗ bị cáo Tụ Trường G đang đứng khoảng 01m. Do trước đó giữa anh T và bị cáo G đã có mâu thuẫn cá nhân về việc buôn bán hoa nên giữa hai người đã xảy ra tranh cãi, chửi nhau. Bị cáo G đã dùng 01 tuýp sắt dài khoảng 1,2m đánh vào mặt anh T, gây thương tích ở vùng thái dương trái. Sau đó, bị cáo tiếp tục dùng tuýp sắt đánh thêm 03 phát nữa vào người và vào tay anh T. Chị Chu Thị T1 là vợ anh T đi đến để hỏi sự việc thì bị Tụ Trường G đẩy ra, tát vào mặt. Khi có người dân xung quanh vào can nên Tụ Trường G đi về nhà, còn anh T được đưa đến Bệnh viện Đ cấp cứu.

Ngày 03/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B quyết định trưng cầu Trung tâm pháp y – Sở Y giám định thương tích đối với anh Nguyễn Viết T và chị Chu Thị T1 .

** Tại Bản Kết luận giám định pháp y thương tích số 458 ngày 12/4/2024 của Trung tâm pháp y, Sở Y kết luận đối với thương tích của anh Nguyễn Viết T như sau:*

“1. Các kết quả chính:

- 1.1. Sẹo vết thương vùng thái dương trái ngoài chân tóc: 03%.
- 1.2. Gãy xương cung tiếp gò má trái có di lệch: 10%
- 1.3. Vùng tay hai bên, chân trái hiện còn sưng nề bầm tím, không có vết thương: Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 không có chương mục nào quy định cho điểm tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với các chấn thương này.

2. Kết luận:

2.1. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Viết T tại thời điểm giám định là: 13% (Mười ba phần trăm). Áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT.

2.2. Kết luận khác:

- Cơ chế hình thành thương tích: Thương tích của anh Nguyễn Viết T do vật tày, tày có cạnh gây nên.”

** Tại Bản Kết luận giám định pháp y thương tích số 505 ngày 23/4/2024 của Trung tâm pháp y – Sở Y kết luận đối với chị Chu Thị T1 như sau:*

“1. Các kết quả chính:

- Chạm thương phần mềm vùng gò má trái không còn sưng nề bầm tím, không có sẹo, không để lại vết biến đổi sắc tố da: 0%

2. Kết luận:

2.1. *Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Chu Thị T1 tại thời điểm giám định là: Không có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.*

2.2. Kết luận khác:

- Cơ chế hình thành thương tích: Thương tích của chị Chu Thị T1 do vật tày gây ra.”

* **Vật chứng vụ án:** 01 USB (Ghi lại hình ảnh bị cáo G đánh gây thương tích cho ông T); 01 tuýp sắt dài khoảng 1,2m trong tình trạng cong vênh một đầu (Thu giữ của bị cáo G).

Trích xuất hình ảnh trong camera an ninh của Công an phường T tại địa chỉ A đường T, phường T phát hiện tại thời điểm 12 giờ 41 phút ngày 29/3/2024 thể hiện bị cáo G có hành vi cầm tuýp sắt đánh gây thương tích cho anh T tại trước cửa số nhà A đường T, phường T, quận B, Hà Nội.

* **Về dân sự:** Tại đơn yêu cầu đề ngày 23/8/2024, anh T, chị T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản: Chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút là: 35.544.412 đồng; Bồi thường về thu nhập thực tế của anh T, chị T1 bị mất trong 05 tháng điều trị thương tích là: 675.000.000 đồng; Bồi thường tổn thất về tinh thần là: 90.000.000 đồng; Tổng số tiền là 800.544.412 đồng. Cụ thể:

1. Chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút.

* *Chi phí cho việc khám, cứu chữa khi sức khỏe bị xâm phạm.*

- Chi phí điều trị tại Bệnh viện Đ của anh T, chị T1 04 ngày là 17.794.412 đồng cụ thể: Ngày 29/3/2024-30/3/2024 chi phí là 9.667.803 đồng (theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 00058606 ngày 30/3/2024 của Bệnh viện; Ngày 01/4/2024 – 03/4/2024 chi phí khám, chữa bệnh là 7.341.950 đồng (theo hóa đơn giá trị gia tăng số 00062152 ngày 03/4/2024 của Bệnh viện; Ngày 30/3/2024 tiền thuốc tại nhà thuốc Bệnh viện là 584.659 đồng ; Ngày 30/3/2024, chị T1 chi trả 200.000 đồng để khám răng hàm mặt do bị bị cáo G đánh đập má trái.

- Chi phí tại bệnh viện Đ1 đã chi trả 2.695.000 đồng cụ thể: Ngày 04/4/2024 chi phí khám, chữa bệnh là 1.966.000 đồng (theo phiếu tổng hợp chỉ định các dịch vụ khám bệnh; Chi phí khám, chữa bệnh là 729.000 đồng theo phiếu tổng hợp chỉ định và bảng kê chi phí mã hồ sơ 2404043602.

- Anh T ra viện, tự điều trị theo hướng dẫn của bác sỹ. Anh T đã mất gần 05 tháng để điều trị ổn định, và phải chi trả tiền mua thuốc chữa bệnh tại N số A Y, phường L, quận B là 8.775.000 đồng: Ngày 01/5/2024, mua thuốc theo hóa đơn bán hàng HBL/D1/14/05/24_000514 (gồm Nextgal, 3b đông trùng hạ thảo) là 1.740.000 đồng; Ngày 06/04/2024, mua thuốc theo hóa đơn bán hàng HBL/D1/14/04/24_000460 (gồm NZ Co Q10, A1, A 1g) là 1.480.000 đồng; Ngày 10/6/2024, mua thuốc gồm AT Sure Plus, ăn ngon ngủ ngon MT là 1.800.000 đồng theo hóa đơn bán hàng HBL/D1/14/06/24_000426; Ngày 23/7/2024, mua 1.715.000 đồng tiền thuốc Hemopoly, L (hóa đơn bán hàng số

HBL/D1/14/07/24 000539; Ngày 01/8/2024, mua thuốc theo hóa đơn bán hàng HBL/D1/14/08/24_000379 gồm Jex 60, Cerveau sain, Efferalgan 500 hết 2.040.000 đồng.

- *Tiền thuê xe đi khám bệnh 03 lần, mỗi lần hết 400.000 đồng là 1.200.000 đồng.*

- *Bị cáo G đã đánh con của anh T, chị T1, làm gãy kính, phải thay kính mới hết 4.000.000 đồng.*

- *Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe:* Anh T nằm viện tại bệnh viện Đ 04 ngày, đi khám bệnh tại Bệnh viện Đ1 01 ngày; Chị T1 khám tại bệnh viện Đ 01 ngày. (01 ngày lương tối thiểu vùng là 180.000 đồng) x 06 ngày = 1.080.000 đồng.

2. Thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút trong thời gian điều trị thương tích. Anh T mất 5 tháng để điều trị ổn định, gồm cả điều trị trong bệnh viện và tự điều trị tại nhà, không thể đi làm và bị mất thu nhập. Chị T1 phải nghỉ bán hàng, để chăm sóc anh T. Sau khi đi làm lại, do nghỉ lâu ngày bị mất khách, thu nhập bị giảm sút nghiêm trọng. Anh T, chị T1 làm nghề bán hàng hoa, anh T phụ giúp vợ và lái xe chở hoa đi các tỉnh. Theo sao kê số dư đầu vào tài khoản của chị T1 tại T3 (số tài khoản: 19035624764012), A2 (số tài khoản: 3100205326277) thì 03 tháng trước khi xảy ra sự việc, trung bình doanh thu của chị T1 khoảng 20.433.000 đồng/ngày (chưa bao gồm các khoản thanh toán chuyển khoản không có nội dung, khách hàng trả tiền mặt). Sau khi trừ chi phí nhập hàng, xăng xe, anh T, chị T1 có thu nhập bình quân từ 4.000.000 đồng 5.000.000 đồng/ngày. Anh T, chị T1 xác định thu nhập bị mất/giảm sút là 4.500.000 đồng/ngày.

3. Bồi thường tổn thất về tinh thần: Do bị đánh phải nhập viện điều trị, sức khỏe, tinh thần giảm sút và sợ hãi do bị bị cáo đe dọa nên anh T chán nản, mệt mỏi, căng thẳng, ... Việc bị bị cáo gây thương tích đã khiến anh T chịu tổn thất tinh thần lớn, ảnh hưởng nặng nề đến đời sống nên anh T yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần theo mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm được tính bằng 50 lần mức lương cơ sở do Nhà nước: 50 x 1.800.000 đồng = 90.000.000 đồng.

Trước khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Tự Trường G tự nguyện nộp 30.000.000 đồng bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại T.

Tại Cáo trạng số 178/CT-VKS, ngày 31/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã truy tố bị cáo Tự Trường G về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 205/2024/HS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã quyết định:**

- *Tuyên bố bị cáo:* Tự Trường G phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- *Áp dụng:* Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s, khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 590 của Bộ luật dân sự; Các điều 136, 168, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

- *Về hình phạt*: Xử phạt bị cáo Tự Trường G 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- *Về dân sự*: Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe, về tinh thần và giảm sút thu nhập cho anh Nguyễn Viết T, chị Chu Thị T1 số tiền 70.577.745 đồng. Bị cáo đã nộp 30.000.000 đồng trước khi xét xử tại Biên lai số 21594 ngày 05/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm. Bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh T, chị T1 số tiền 40.577.745 đồng.

- *Về các nội dung khác*: Tịch thu tiêu hủy 01 tuýp sắt là vật chứng của vụ án; Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 chiếc USB chứa hành vi phạm tội của bị cáo. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.028.887 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Bản án sơ thẩm còn có các quyết định về biện pháp bảo đảm thi hành án về bồi thường và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2024 bị cáo Tự Trường G có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Ngày 17/9/2024, bị hại Nguyễn Viết T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị bản án sơ thẩm.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- *Bị cáo Tự Trường G*: Giữ nguyên kháng cáo của mình; khai như đã khai tại phiên tòa sơ thẩm và tại Cơ quan điều tra. Bị cáo công nhận bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” là đúng người, đúng tội, bị cáo không bị oan, nay bị cáo đã rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, chỉ xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- *Bị hại Nguyễn Viết T*: Giữ nguyên kháng cáo của mình. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét tội danh bị cáo là tội Giết người, tăng mức hình phạt và mức bồi thường dân sự đối với bị cáo.

- *Chị Chu Thị T1*: Đồng ý với các ý kiến bị hại Nguyễn Viết T đã trình bày.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*: *Về tố tụng*: Kháng cáo của bị cáo, bị hại là hợp lệ, cần được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. *Về nội dung*: Bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt của bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 24 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, tuy bị cáo có nộp bổ sung số tiền bồi thường cho bị hại, nhưng mức hình phạt của bản án sơ thẩm là phù hợp nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cũng không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của bị hại về việc xác định hành vi của bị cáo là giết người, tăng mức hình phạt và mức bồi thường của bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xét.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại có ý kiến cho rằng:* Quá trình điều tra, truy tố không khách quan, hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo dùng tuýp sắt đập nhiều nhất vào đầu, vào mặt bị hại, nhưng do bị hại có sức khỏe nên mới chống đỡ được, cùng với việc tấn công bị cáo còn có nhiều lời nói đòi giết cả nhà bị hại. Hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội Giết người đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo là nhẹ, mức bồi thường còn thấp. Đề nghị cấp phúc thẩm tăng hình phạt và tăng mức bồi thường của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo, bị hại trong vụ án được làm trong thời hạn luật định, đảm bảo về chủ thể kháng cáo theo Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị cáo, bị hại là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa sơ thẩm, hình ảnh trích xuất từ camera, lời khai người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do có mâu thuẫn từ trước về việc kinh doanh hoa, hồi 12 giờ 41 phút ngày 29/3/2024, tại trước cửa số nhà A đường T, phường T, quận B, Hà Nội bị cáo Tụ Trường G và anh Nguyễn Viết T đã có lời nói qua lại với nhau. Bị cáo Tụ Trường G đã dùng 01 tuýp sắt vụt 01 phát vào vùng mặt, 03 phát vào người và tay anh Nguyễn Viết T gây vết thương ở vùng thái dương trái ngoài chân tóc, gãy xương cung tiếp gò má trái có di lệch cho anh T. Tổng tỷ lệ tổn hại sức khỏe của anh T là 13%.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, xâm phạm sức khỏe của người khác, bị cáo biết hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn hại sức khỏe 13%. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại trong vụ án:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; bị hại cũng có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử đã làm rõ nội dung

kháng cáo của bị hại là kháng cáo về tội danh, mức hình phạt và mức bồi thường của bị cáo. Xem xét các nội dung kháng cáo nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

- *Về tội danh đối với bị cáo:* Như đã nêu ở trên, trong vụ án này bị cáo có hành vi dùng 01 tuýp sắt vọt 01 phát vào vùng mặt, 03 phát vào người và tay anh Nguyễn Viết T gây thương tích cho bị hại. Theo kết quả khám thương, giám định xác định thương tích của bị hại như sau:

1. Các kết quả chính: Sẹo vết thương vùng thái dương trái ngoài chân tóc 03%; Gãy xương cung tiếp gò má trái có di lệch 10%; Vùng tay hai bên, chân trái hiện còn sưng nề bầm tím, không có vết thương: Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 không có chương mục nào quy định cho điểm tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với các chấn thương này.

2. Kết luận: *Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Viết T tại thời điểm giám định là: 13% (Mười ba phần trăm).* Áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích: Thương tích của anh Nguyễn Viết T do vật tày, tày có cạnh gây nên.

Căn cứ vào diễn biến sự việc, hình ảnh trích xuất từ camera, dấu vết về thương tích của bị hại như trên, vị trí của các vết thương, cường độ tác động, kết quả khám thương, kết luận giám định, nhận thấy cấp sơ thẩm truy tố và xét xử bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Hành vi của bị cáo chưa thoả mãn dấu hiệu của tội “*Giết người*” như kháng cáo của bị hại đã nêu.

- *Về hình phạt đối với bị cáo:* Trong vụ án này, bị cáo phạm tội nghiêm trọng gây tổn hại sức khoẻ cho bị hại với tỷ lệ 13%. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét: Nhân thân bị cáo đã có 01 lần bị kết án năm 2014 và 01 lần bị xử lý hành chính năm 2004, tuy nhiên các lần bị xử lý trên đã được xoá. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp số tiền 30 triệu đồng tại Cơ quan Thi hành án để bồi thường cho bị hại, từ đó áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự và xử bị cáo 24 tháng tù. Tại cấp phúc thẩm, mặc dù bị cáo xuất trình thêm tài liệu thể hiện: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp thêm số tiền 40.577.745 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm để bồi thường cho bị hại, gia đình bị cáo có công với cách mạng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này có tính chất côn đồ, phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết tăng nặng trên đối với bị cáo là thiếu sót, cần phải áp dụng bổ sung tình tiết tăng nặng trên với bị cáo. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án, nhận thấy mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, cùng không có căn cứ để chấp nhận đề

ngộ của bị hại về việc tăng nặng mức hình phạt đối với bị cáo. Cần giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Tại cấp sơ thẩm, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường theo Đơn trình bày đề ngày 23/8/2024 của bị hại. Tại cấp phúc thẩm, bị hại tiếp tục giữ nguyên các yêu cầu bồi thường theo Đơn trên. Quá trình xét xử, cấp sơ thẩm đã xem xét các yêu cầu bồi thường dân sự của bị hại và chấp nhận các yêu cầu bồi thường như sau:

- *Chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe:* Anh T và chị T1 yêu cầu bị cáo bồi thường là 35.544.412 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

- *Tiền bồi thường về thu nhập:* Anh T, chị T1 yêu cầu bồi thường do thu nhập của anh T bị mất, bị giảm sút trong 05 tháng điều trị thương tích là 675.000.000 đồng; Anh T, chị T1 trình bày cùng kinh doanh hoa, anh T là người lái xe giao hoa, phụ bán hàng cho chị T1. Anh T, chị T1 cung cấp giao dịch tài khoản của chị T1 03 tháng trước khi bị gây thương tích và 05 tháng tiếp theo khi điều trị thương tích và chăm sóc sức khỏe, nhưng anh T, chị T1 không nêu được rõ chi tiết các giao dịch trong tài khoản để chứng minh được thu nhập nào bị mất, giảm sút sau khi bị gây thương tích, không kê khai để nộp thuế thu nhập với thu nhập hàng tháng của mình, nên không có căn cứ xác định sau khi bị gây thương tích anh T, chị T1 bị mất thu nhập là 4,5 triệu đồng/ngày trong 05 tháng. Theo chỉ định của bác sĩ điều trị tại đơn thuốc bị hại xuất trình nhận thấy: Việc điều trị thương tích của bị hại kéo dài trong gần một tháng. Bác sĩ chỉ định khám lại vào ngày 24/4/2024 nhưng bị hại đã không tái khám, điều đó chứng tỏ sức khỏe bị hại đã phục hồi tốt. Các đơn thuốc sau bị hại tự mua để tự điều trị là các loại thực phẩm chức năng nhằm tăng cường, bồi bổ sức khỏe, không phải là thuốc điều trị theo chỉ định của bác sĩ tại đơn thuốc. Xét thấy với thương tích của bị hại như đã nêu trong kết luận giám định, thời gian bị hại nghỉ việc, điều trị, phục hồi sức khỏe là 02 tháng và người chăm sóc trong thời gian 10 ngày là hợp lý. Không có căn cứ xác định anh T, chị T1 mất thu nhập 05 tháng như bị hại yêu cầu. Mức thu nhập để tính bồi thường thời gian nghỉ việc được tính theo mức thu nhập bình quân của lao động tại địa phương nơi bị hại cư trú là khoảng 10 triệu đồng/tháng. Do đó, cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại mức thu nhập bị mất do phải nghỉ làm để điều trị và phục hồi sức khỏe là 20 triệu đồng và người chăm sóc là 3.333.333 đồng.

- *Về yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần của bị hại:* Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tỷ lệ thương tích của bị cáo gây ra cho bị hại nhận thấy, cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại tương đương 05 tháng lương cơ sở là thấp. Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm về mức bồi thường này, buộc bị cáo phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại tương đương 08 tháng lương cơ sở, cụ thể: 08 tháng x 2.340.000 đồng = 18.720.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 77.597.745 đồng. Bị cáo đã nộp tiền tại Cơ quan Thi hành án bồi thường trước khi xét xử sơ

thảm 30.000.000 đồng, sau khi xét xử sơ thẩm 40.577.745 đồng; bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn thiếu cho bị hại.

Từ các phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại trong vụ án về tội danh, mức hình phạt, nhưng cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về mức bồi thường của bị cáo.

[2.3] Về các nội dung khác

Về án phí: Bản án sơ thẩm bị sửa về phần bồi thường nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa phần án phí dân sự sơ thẩm cho đúng quy định.

Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị hại được chấp nhận một phần nên bị hại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo TỰ TRƯỜNG G về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại NGUYỄN VIỆT T về phần bồi thường dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại về phần tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo.

- Sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 205/2024/HS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội về phần bồi thường dân sự, án phí dân sự sơ thẩm; Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh, mức hình phạt của bị cáo TỰ TRƯỜNG G, xử lý vật chứng, cụ thể như sau:

- Tuyên bố: Bị cáo TỰ TRƯỜNG G phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s, khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 590 của Bộ luật dân sự; Các điều 136, 168, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử phạt: Bị cáo TỰ TRƯỜNG G 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo TỰ TRƯỜNG G phải bồi thường cho anh NGUYỄN VIỆT T, chị CHU THỊ T1 số tiền 77.597.745 đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp 30.000.000 đồng trước khi xét xử tại Biên lai số 0021594 ngày 05/9/2024 và 40.577.745 đồng sau khi xét xử sơ thẩm tại Biên lai số 0021597 ngày 06/9/2024, số 21612 ngày 18/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm. Bị

cáo còn phải bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Viết T, chị Chu Thị T1 số tiền 7.020.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bị cáo không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chưa thi hành án. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- **Về xử lý vật chứng:** Tịch thu tiêu hủy 01 tuýp sắt dài khoảng 1,2m trong tình trạng cong vênh một đầu (*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 236/24 ngày 06/8/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm*); Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 chiếc USB chứa hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bị cáo Tự Trường G phải nộp 3.879.887 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Áp dụng: khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- Công an quận Bắc Từ Liêm;
- TAND quận Bắc Từ Liêm;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- Bị cáo; Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Vũ Quang Huy